

Bản án số: 359/2022/DS-ST

Ngày: 28 – 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Soan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 434/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2022/QĐST-DS ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Phú T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số Đường số 13, phường Bình Trưng Đông, thành phố H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thê L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số Bé Văn Đàn, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh B. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Phú T: Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số đường Huỳnh Tấn Phát, thị trấn Nhà Bè, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Bà Kim Thị Hồng Đ, sinh năm 1979, cùng địa chỉ: Số đường Nguyễn Oanh, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2.2 Ông Phạm Đình H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số khu phố 3, phường An Phú Đông, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Ngô Xuân B**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 141/11/13 đường Trần Nãi, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Thế L trình bày như sau:

Do quen biết nhau qua mạng xã hội từ năm 2013 nên giữa bà Phan Thị Phú T và bà Kim Thị Hồng Đ có kết hợp làm ăn. Đến năm 2014, bà Kim Thị Hồng Đ có đặt vấn đề giao vốn làm ăn nên bà Phan Thị Phú T và bà Kim Thị Hồng Đ có kết hợp làm ăn với nhau. Thời gian đầu kết hợp làm ăn thì bà Phan Thị Phú T chuyển số tiền góp và bà Kim Thị Hồng Đ có chia lợi nhuận cho bà Phan Thị Phú T nên bà Phan Thị Phú T tin tưởng vào bà Kim Thị Hồng Đ.

Vào năm 2016, bà Kim Thị Hồng Đ rủ bà Phan Thị Phú T hùn vốn mở rộng sang mua đất, làm dịch vụ...nên bà Phan Thị Phú T đã chuyển nhiều lần với số tiền khác nhau, với tổng số tiền là 11.200.000.000 (Mười một tỷ hai trăm triệu) đồng. Do nhiều lần nghi ngờ bà Kim Thị Hồng Đ lừa dối bà Phan Thị Phú T nên bà Phan Thị Phú T đã đòi lại vốn. Sau nhiều lần liên lạc, trao đổi thì bà Kim Thị Hồng Đ đã viết một giấy vay tiền đề ngày 05/11/2018, trong đó ghi nhận số tiền nợ gốc như trên. Tuy nhiên, đến nay phía bà Kim Thị Hồng Đ vẫn không chịu trả tiền theo thỏa thuận.

Việc làm ăn giữa bà Phan Thị Phú T và bà Kim Thị Hồng Đ thì ông Phạm Đình H đều biết, đồng thời ông Phạm Đình H cũng nhiều lần trực tiếp nhận hàng hóa do bà Phan Thị Phú T giao để chuyển cho bà Kim Thị Hồng Đ.

Nay bà Phan Thị Phú T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Đình H và bà Kim Thị Hồng Đ phải trả số tiền 12.000.000.000 (Mười hai tỷ) đồng, trong đó: Tiền gốc là 11.200.000.000 (Mười một tỷ hai trăm triệu) đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 23/11/2018 đến ngày xét xử là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Kim Thị Hồng Đ trình bày:

Năm 2014, bà và bà Phan Thị Phú T có hùn vốn làm ăn, kinh doanh túi xách và đồng hồ. Quá trình hợp tác kinh doanh thì giữa bà và bà Phan Thị Phú T đã quyết toán xong và thanh toán dứt điểm nợ nần. Năm 2016, do cần vốn làm ăn kinh doanh nên bà có mượn tiền của bà Phan Thị Phú T nhiều lần, với lãi suất từ 10% đến 60%. Lúc đầu làm ăn thuận lợi nên bà đã thanh toán tiền gốc và lãi đúng

hạn thông qua ngân hàng và tiền mặt. Đến khi bà làm ăn thất bại thì bà Phan Thị Phú T yêu cầu nhập gốc và lãi ghi vào giấy vay tiền và đưa bà ký, sau khi ghi xong thì bà Phan Thị Phú T giữ luôn giấy tờ và không đưa cho bà. Bà đã trả hết cả tiền gốc và lãi cho bà Phan Thị Phú T, trả trực tiếp cho bà Phan Thị Phú T và ông **Ngô Xuân B** là chồng của bà Phan Thị Phú T.

Việc làm ăn giữa bà và bà Phan Thị Phú T không liên quan đến ông Phạm Đình H, và ông Phạm Đình H cũng không biết việc làm ăn giữa bà và bà Phan Thị Phú T. Bà và bà Phan Thị Phú T đã quyết toán xong hết các khoản nợ, tuy nhiên do bà đã ký giấy vay nợ với bà Phan Thị Phú T nên bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Phan Thị Phú T. Bà đồng ý trả 12.000.000.000 (Mười hai tỷ) đồng, trong đó tiền gốc là 11.200.000.000 (Mười một tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng tiền lãi. Bà đồng ý trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Đình H (theo bản tự khai ngày 06/5/2022) trình bày:

Ông và bà Kim Thị Hồng Đ ly hôn vào năm 2018. Giao dịch giữa bà Kim Thị Hồng Đ và bà Phan Thị Phú T thì ông không biết, không liên quan gì tới ông, ông cũng chưa gặp bà Phan Thị Phú T lần nào và không biết bà Phan Thị Phú T là ai. Tranh chấp giữa bà Phan Thị Phú T và bà Kim Thị Hồng Đ không liên quan gì tới ông nên ông không có ý kiến gì với tranh chấp trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân B trình bày: Ông biết việc hùn vốn làm ăn giữa bà Phan Thị Phú T và bà Kim Thị Hồng Đ, nhưng giao dịch làm ăn như thế nào thì ông không biết. Việc sử dụng tiền để hùn vốn làm ăn là tài sản riêng của bà Phan Thị Phú T nên ông không quan tâm. Ông xác định không liên quan gì đến vụ án này nên đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Luật sư ông Nguyễn Hoài Nghĩa trình bày: yêu cầu bà Kim Thị Hồng Đ và ông Phạm Đình H cùng phải chịu trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Phú T số tiền 12.000.000.000 (Mười hai tỷ) đồng bao gồm vốn 11.200.000.000 (Mười một tỷ hai trăm triệu) đồng và lãi là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật vì lý do tại thời điểm vay bà Phan Thị Phú T, ông Phạm Đình H và bà Kim Thị Hồng Đ chưa ly hôn, nhiều lần ông Phạm Đình H nhận tiền và hàng của bà Phan Thị Phú T đưa cho bà Kim Thị Hồng Đ. Như vậy thể hiện ông Phạm Đình H có biết việc bà Kim Thị Hồng Đ vay tiền của bà Phan Thị Phú T, ngoài ra bà Kim Thị Hồng Đ đã dùng tiền vay của bà Phan Thị Phú T để chi dùng trong gia đình nên đề nghị Tòa buộc ông Phạm Đình H cùng phải chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho bà Phan Thị Phú T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Kim Thị Hồng Đ xác nhận đồng ý với Kết luận giám định số 2523/C09B ngày 10/6/2020 của Phân viện KHHS tại TP. HCM – Viện khoa học hình sự, Kết luận giám định số 98/C09B ngày 23/12/2021 của Phân viện KHHS tại TP. HCM – Bộ Công an và Kết luận giám định số 185/KL-KTHS ngày 10/8/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an. Bà thừa nhận mình có viết giấy vay tiền ngày 05/11/2018. Và bà đồng ý với yêu cầu về tiền nợ gốc và tiền lãi của nguyên đơn nhưng bà cho rằng số nợ này không liên quan đến ông Phạm Đình H là chồng cũ của bà Kim Thị Hồng Đ.

Do đó chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Kim Thị Hồng Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 11.200.000.000 (Mười một tỷ hai trăm triệu) đồng cho bà Phan Thị Phú T.

- Về yêu cầu trả lãi:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 05/11/2018 thì hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do đó, căn cứ Điều 466, 468 BLDS 2015 thì: trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm của khoản tiền vay. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật và có thiện chí chỉ yêu cầu số tiền lãi là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, có cơ sở buộc bà Kim Thị Hồng Đ có trách nhiệm cá nhân trả số tiền lãi nêu trên cho phía nguyên đơn.

Bởi các lẽ nêu trên, đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ gốc là 11.200.000.000 đồng (mười một tỷ hai trăm triệu) và tiền lãi là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trách nhiệm trả nợ thuộc về cá nhân bà Kim Thị Hồng Đ. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị Phú T khởi kiện yêu cầu bà Kim Thị Hồng Đ và ông Phạm Đình H phải trả cho bà 12.000.000.000 (Mười hai tỷ) đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện đang cư ngụ tại quận Gò Vấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Đình H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Đình H và ông Ngô Xuân B.

[3] Về nội dung:

3.1 Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Kim Thị Hồng Đ và ông Phạm Đình H cùng phải trả nợ, xét thấy:

Ông Phạm Đình H cho rằng giao dịch giữa bà Kim Thị Hồng Đ và bà Phan Thị Phú T thì ông không biết, không liên quan gì tới ông, ông cũng chưa gặp bà Phan Thị Phú T lần nào và không biết bà Phan Thị Phú T là ai.

Bà Kim Thị Hồng Đ xác nhận số nợ trên là số nợ riêng của bà và không liên quan gì tới ông Phạm Đình H. Ông Phạm Đình H cũng không biết việc làm ăn giữa bà và bà Phan Thị Phú T.

Xét, trong giấy vay tiền đề ngày 05/11/2018 không thể hiện ông Phạm Đình H có vay chung số nợ trên với bà Kim Thị Hồng Đ. Bà Phan Thị Phú T cho rằng nhiều lần giao tiền cho ông Phạm Đình H nhưng bà Phan Thị Phú T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để buộc ông Phạm Đình H cùng chịu trách nhiệm với bà Kim Thị Hồng Đ trả nợ cho bà Phan Thị Phú T.

3.2 Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Kim Thị Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 11.200.000.000 (mười một tỷ hai trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ giấy vay tiền ngày 05/11/2018 thể hiện bà Kim Thị Hồng Đ có vay số tiền 11.200.000.000 (mười một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số 98/C09B ngày 23/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP HCM kết luận: Chữ viết trên giấy vay tiền ngày 05/11/2018 là chữ viết và chữ ký của bà Kim Thị Hồng Đ.

Căn cứ Kết luận giám định số 185/KL-KTHS ngày 10/8/2022 của Viện Khoa học hình sự kết luận: Chữ viết trên giấy vay tiền ngày 05/11/2018 là chữ viết và chữ ký của bà Kim Thị Hồng Đ.

Quá trình giải quyết bà Kim Thị Hồng Đ cho rằng chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 05/11/2018 không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Nhưng tại phiên tòa, bà Kim Thị Hồng Đ đồng ý theo hai kết luận giám định trên, đồng thời xác nhận có nợ số tiền gốc và lãi mà bà Phan Thị Phú T yêu cầu là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý”. Bà Phan Thị Phú T đã thực hiện thông báo đòi tiền bà Kim Thị Hồng Đ, bà Kim Thị Hồng Đ xác nhận công ty đòi nợ đã đến nhà bà đòi nợ vào khoảng năm 2018 nên bà Phan Thị Phú T khởi kiện yêu cầu bà Kim Thị Hồng Đ phải trả nợ là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Kim Thị Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền 11.200.000.000 (mười một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Về tiền lãi: Bà Phan Thị Phú T yêu cầu bà Kim Thị Hồng Đ phải trả tiền lãi tính từ ngày 23/11/2018 cho đến ngày tòa xử là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về thời hạn trả tiền: Do bị đơn bà Kim Thị Hồng Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Như vậy, bà Kim Thị Hồng Đ phải trả cho bà Phan Thị Phú T tổng số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng, trong đó tiền gốc là 11.200.000.000 đồng và tiền lãi là 800.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị đơn bà Kim Thị Hồng Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng. Do đó bà Kim Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho bà Phan Thị Phú T là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0001352 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phú T.

Buộc bà Kim Thị Hồng Đ phải trả cho bà Phan Thị Phú T số tiền 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng, bao gồm tiền gốc là 11.200.000.000 (mười một tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Phan Thị Phú T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Kim Thị Hồng Đ chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà Kim Thị Hồng Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Phú T về việc yêu cầu buộc ông Phạm Đình H phải cùng bà Kim Thị Hồng Đ trả số tiền 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Kim Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho bà Phan Thị Phú T là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0001352 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Phú T và bà Kim Thị Hồng Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Đình H và ông Ngô Xuân B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan